

Số: /GPMT-KCNKKT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 do UBND tỉnh Bình Phước (nay là UBND thành phố Đồng Nai) cấp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam tại Văn bản số 01/CV-BACHDAT26-DC GPMT ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nhà máy Bình Phước Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam, có địa chỉ tại lô A17-C, A17-D, A17-E, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 do UBND tỉnh Bình Phước (nay là UBND thành phố Đồng Nai) cấp.

Điều 2. Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Chủ tịch UBND thành phố (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Chơn Thành;
- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước;
- Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT thành phố;
- Lưu: VT, MT (Tr.L).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

*(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý
các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai)*

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép về thông tin chung của cơ sở tại Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025:

Điều chỉnh Điều 1 của Giấy phép môi trường thành:

“**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở), địa chỉ tại Lô A17-C, A17-D, A17-E, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nhà máy Bình Phước Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam” (sau đây gọi là cơ sở) với các nội dung sau:”

Điều chỉnh thông tin chung của cơ sở tại mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.5 1.6 Điều 1 của Giấy phép môi trường thành:

“1.1. Tên cơ sở: Chi nhánh Nhà máy Bình Phước Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A17-C, A17-D, A17-E, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3702327139 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 10 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 2189583129 chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 05 tháng 03 năm 2026 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai) cấp.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: sản xuất vải không dệt; sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon; sản xuất, gia công keo chống trượt; gia công định hình vải và kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng và văn phòng).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Công suất: Sản xuất vải không dệt 12.250 tấn/năm; sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon 4.500 tấn/năm; cho thuê nhà xưởng và văn phòng: diện tích nhà xưởng 55.125 m², diện tích văn phòng 1.512 m².

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất vải không dệt PP: Hạt nhựa PP, màu → Nạp liệu → Phối trộn → Gia nhiệt → Lọc tạp chất → Phun tơ → Kéo tơ → Tạo sợi, tạo lưới → Ép màng và tạo hoa văn → Kiểm tra → Cuộn, cắt, đóng gói thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất vải không dệt xăm kim: Bông Polyester và bông Polypropylene → Xé và trộn đều → Chải tạo màng → Xếp màng xơ, kéo giãn → Liên kết màng xơ bằng xuyên kim → Ép → Cuộn và cắt → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất vải không dệt khâu bonder: Bông Polyester và bông Polypropylene → Xé và trộn đều → Chải tạo màng → Xếp màng xơ, kéo giãn → Liên kết màng xơ bằng máy khâu → Lăn keo cứng → Ép, Cuộn và cắt → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon: Hạt nhựa, màu → Nạp liệu → Phối trộn → Gia nhiệt → Lọc tạp chất → Thổi màng → Làm nguội → Ép phẳng → Cuộn màng → Kiểm tra → Cắt thành phẩm.

+ Quy trình gia công định hình vải: Vải không dệt → Lăn keo cứng → Ép, Cuộn và cắt → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất, gia công keo chống trượt: Vải không dệt → Lăn keo cứng → Ép, Cuộn và cắt → Thành phẩm

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

- Điều chỉnh Phần A Phụ lục 1 – Nội dung cấp phép xả nước thải:

“A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để xử lý, không xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải sinh hoạt, nhà ăn:

Nước thải sinh hoạt, nhà ăn phát sinh từ đơn vị thuê nhà xưởng và từ cơ sở (bao gồm: nước thải từ nhà vệ sinh (được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn); nước thải từ nhà ăn (được xử lý bằng bể tách dầu); nước thải từ lavabo, bồn rửa, nhà tắm) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở, công suất 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý tiếp theo. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (thông số kim loại đạt cột A) được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất:

+ Hoạt động sản xuất của chủ cơ sở (sản xuất vải không dệt; sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon) không phát sinh nước thải sản xuất.

+ Đối với đơn vị thuê nhà xưởng: thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định, có phương án thu gom, xử lý nước thải sản xuất theo quy định của pháp luật.

+ Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước tại các văn bản: Hợp đồng thuê lại đất số 03/2021/HĐTLĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021; Hợp đồng thuê lại đất số 04/2021/HĐTLĐ ngày 15/03/2021; Hợp đồng thuê lại đất số 05/2021/HĐTLĐ

ngày 15 tháng 3 năm 2021; Biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật năm 2021; Văn bản số 109/CV-BBP ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước.”

- Điều chỉnh tiêu mục 1.1, 1.2, 1.4 Mục 1 Phần B Phụ lục 1 – yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

“B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, bao gồm:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, nhà ăn phát sinh từ cơ sở (bao gồm: nước thải từ nhà vệ sinh (được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn); nước thải từ nhà ăn (được xử lý bằng bể tách dầu); nước thải từ lavabo, bồn rửa, nhà tắm) với lưu lượng khoảng 6,8 m³/ngày (24 giờ) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà xưởng cho thuê với lưu lượng khoảng 64 m³/ngày (24 giờ) (bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn; nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu và nước thải từ lavabo, bồn rửa, nhà tắm) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải sản xuất (nếu có) phát sinh từ đơn vị thuê xưởng: Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định, có phương án thu gom, xử lý nước thải sản xuất theo quy định của pháp luật, cụ thể: chuyên giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý hoặc tự xử lý tại dự án. Đối với trường hợp tự xử lý nước thải sản xuất tại nhà máy, nước thải sau xử lý (đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Becamex - Bình Phước, cột B, riêng chỉ tiêu kim loại đạt cột A) được dẫn về bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 100 m³/ngày (24 giờ) để kiểm soát trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex – Bình Phước.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt, nhà ăn (bao gồm cả nhà xưởng cho thuê): Nước thải sinh hoạt, nhà ăn → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex-Bình Phước (không xả ra ngoài môi trường).

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày (24 giờ).
- Hóa chất sử dụng: NaOCl, Rỉ mật nuôi vi sinh, Cation polyme.
- Chế độ vận hành: liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nước thải phát sinh từ cơ sở sau khi xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (riêng thông số kim loại đạt cột A) được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex – Bình Phước tại 01 điểm trên đường nội bộ của KCN Becamex – Bình Phước (không xả ra ngoài môi trường). Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X(m) = 380887.01; Y(m) = 1261912.17 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến: 107°45', vĩ độ 3°).

- Điều chỉnh Mục 2 Phần B Phụ lục 1 – Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

“2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ”

3. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

- Điều chỉnh mục 1, Phần A Phụ lục 2 – Nguồn phát sinh khí thải:

“A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải phải xử lý:

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh công đoạn làm nóng chảy và gia nhiệt hạt nhựa của dây chuyền sản xuất vải không dệt PP số 1.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh công đoạn làm nóng chảy và gia nhiệt hạt nhựa của dây chuyền sản xuất vải không dệt PP số 2.

+ Nguồn số 03: Khí thải phát sinh công đoạn làm nóng chảy và gia nhiệt hạt nhựa của dây chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3.

+ Nguồn số 04: Khí thải từ hệ thống xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ máy trộn, đánh bông của chuyền sản xuất vải không dệt xam kim số 1.

+ Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ máy trộn, đánh bông số 1 của chuyền sản xuất vải không dệt xam kim số 2.

+ Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ máy trộn, đánh bông số 2 của chuyền sản xuất vải xam kim số 2.

+ Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ máy trộn, đánh bông số 1 của chuyền sản xuất vải không dệt bonder số 1.

+ Nguồn số 09: Bụi phát sinh từ máy trộn, đánh bông số 2 của chuyền sản xuất vải không dệt bonder số 2.

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải không phải xử lý:

+ Nguồn số 10 Nhiệt dư từ ống thoát hơi từ quá trình sấy của 1 máy định hình sấy của chuyền sản xuất vải không dệt bonder.”

- Điều chỉnh mục 2, Phần A Phụ lục 2 – Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

“2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN 2000: kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 1 (nguồn số 01)	381123.76	1261952.64
2	Dòng khí thải số 02	Tại 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 2 (nguồn số 02)	381122.76	1261948.22
3	Dòng khí thải số 03	Tại 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải 1 của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3 (nguồn số 03)	381086.17	1261940.28
4	Dòng khí thải số 04	Tại 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải 2 của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3 (nguồn số 03)	381095.03	1261945.11
5	Dòng khí thải số 05	Tại 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 03)	381085.03	1261928.11

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam, địa chỉ tại Lô A17-C, A17-D, A17-E, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m³ /giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m³ /giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.700 m³ /giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.700 m³ /giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.500 m³ /giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 đến số 05 Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua 05 ống thoát khí thải, xả liên tục 24 giờ/ngày khi hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột B, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp cụ thể như sau:

<i>TT</i>	<i>Các chất ô nhiễm</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B</i>	<i>Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục</i>
<i>I</i>	<i>Tại ống thoát 04 Hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyền sản xuất vải không dệt PP (dòng thải số 01 – 04)</i>			<i>Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ</i>
<i>1</i>	<i>Lưu lượng</i>	<i>m³/giờ</i>	<i>-</i>	
<i>2</i>	<i>Benzen</i>	<i>mg/Nm³</i>	<i>≤ 5</i>	
<i>3</i>	<i>Xylene</i>	<i>mg/Nm³</i>	<i>≤ 100</i>	
<i>4</i>	<i>Toluen</i>	<i>mg/Nm³</i>	<i>≤ 40</i>	
<i>II</i>	<i>Tại ống thoát 01 Hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (dòng khí thải số 05)</i>			
<i>1</i>	<i>Lưu lượng</i>	<i>m³/giờ</i>	<i>-</i>	
<i>2</i>	<i>H₂S</i>	<i>mg/Nm³</i>	<i>≤ 7</i>	
<i>3</i>	<i>NH₃</i>	<i>mg/Nm³</i>	<i>≤ 20</i>	

- Điều chỉnh Tiểu mục 1.1, 1.2 Mục 1 Phần B Phụ lục 2 – yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

“B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn làm nóng chảy và gia nhiệt hạt nhựa của dây chuyền sản xuất vải không dệt PP số 1 được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý khí thải để xử lý (dòng khí thải số 01).
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh công đoạn làm nóng chảy và gia nhiệt hạt nhựa của dây chuyền sản xuất vải không dệt PP số 2 được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý khí thải để xử lý (dòng khí thải số 02).
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh công đoạn làm nóng chảy và gia nhiệt hạt nhựa của dây chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3 được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý khí thải để xử lý (dòng khí thải số 03 và 04).
- Nguồn số 04: Ống thải sau hệ thống xử lý Mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (dòng khí thải số 05).
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ máy trộn, đánh bông chuyên xăm kim 1 được thu gom bằng đường ống về thiết bị lọc túi vải để xử lý.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ máy trộn đánh bông số 1 chuyên xăm kim 2 được thu gom bằng đường ống về thiết bị lọc túi vải để xử lý.
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ máy trộn đánh bông số 2 chuyên xăm kim 2 được thu gom bằng đường ống về thiết bị lọc túi vải để xử lý.
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ máy trộn đánh bông số 1 chuyên bonder 1 được thu gom bằng đường ống về thiết bị lọc túi vải để xử lý.
- Nguồn số 09: Bụi phát sinh từ máy trộn đánh bông số 2 chuyên bonder 2 được thu gom bằng đường ống về thiết bị lọc túi vải để xử lý.
- Nguồn số 10: Nhiệt thừa từ công đoạn định hình và sấy của dây chuyền sản xuất vải không khâu bonder xả ra môi trường theo ống xả riêng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyên sản xuất vải không dệt PP số 01 và 02 (nguồn số 1 và số 2):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Thiết bị lọc dầu tĩnh điện → Phin lọc tĩnh điện → Ống thải.
- Số lượng hệ thống xử lý: 02 hệ thống.
- Công suất thiết kế: 1.200 m³/giờ/hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải 1 của chuyên sản xuất vải không dệt PP số 3 (nguồn số 3)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút/miệng hút → Ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải
- Số lượng hệ thống xử lý: 02 hệ thống
- Công suất thiết kế: 1.700 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

1.2.3. Hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 04)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Tháp xử lý mùi → Ống thải

- Số lượng: 01 hệ thống
- Công suất: 1.500 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl

1.2.4 Hệ thống thu gom bụi (nguồn số 05 đến nguồn số 09):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nhiệt thừa → Quạt hút → Túi vải lọc bụi → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

- Số lượng: 05 hệ thống.
- Công suất của quạt hút (02 quạt): 6.000 m³/giờ và 3.800 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng

1.2.5 Hệ thống thu gom, thoát nhiệt dư (nguồn số 10):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nhiệt dư → Quạt hút → Ống thoát nhiệt dư.
- Số lượng: 01 hệ thống.
- Công suất quạt hút (03 quạt hút): 200 m³/giờ/quạt.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.”

Điều chỉnh Mục 2 Phần B Phụ lục 2 – Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

“2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. ”

3. Điều chỉnh nội dung bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường:

Điều chỉnh Phần A Phụ lục 3 – Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung:

“A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại các máy móc, thiết bị sản xuất trong nhà xưởng.
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 1.

- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 2.

- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải 1 của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3.

Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải 2 của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Lô A17-C, A17-D, A17-E, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 107°45', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
1	Tại các máy móc, thiết bị sản xuất trong nhà xưởng.	381078.48	1261985.11
2	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	380893.30	1261936.91
3	Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 1.	381123.76	1261952.64
4	Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 2 .	381122.76	1261948.22
5	Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải 1 của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3	381086.17	1261940.28
6	Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải 2 của chuyền sản xuất vải không dệt PP số 3	381095.03	1261945.11

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

- Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung đề xuất điều chỉnh.

- Bố trí các công trình xử lý khí thải và các khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo quy hoạch xây dựng

- Thực hiện các biện pháp để kiểm soát vận hành của các công trình xử lý chất thải và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm về giới hạn tiếp nhận và lưu lượng xả nước thải, khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải, khí thải.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**